TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-PT
Ngày 30/3/2023
"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quản Ngọc A, sinh năm 1957, địa chỉ: Số...., đường ..., thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Lệ Q, sinh năm 1977, địa chỉ: Số...., đường ..., ấp Vĩnh Xuyên, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Hứa C, sinh năm 1949 (vắng mặt).

2. Bà Quản Thanh P, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số...., đường ..., Khóm 2, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Hứa C ủy quyền cho bà Quản Thanh P tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Ông C – Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Quản Ngọc A là nguyên đơn và bà Quản Thanh P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Quản Ngọc A và bà Quản Thanh P là chị em bà con, nên bà A có cho vợ chồng bà P vay tiền nhiều lần với lãi suất là 1,0%/tháng, cụ thể như sau: Vào ngày 07/5/2012 bà P vay số tiền 135.000.000 đồng, có làm biên nhận. Vào ngày 04/6/2012 bà P vay số tiền 160.000.000 đồng, có làm biên nhận, tổng số tiền bà P vay của bà A là 295.000.000 đồng. Vào ngày 19/9/2018, bà A qua nhà bà P để yêu cầu trả nợ thì gặp con dâu của bà P là chị Huỳnh Giới H và các bên có làm *"giấy xác nhận"* với nội dung: *"Chị Quản Thanh P có mượn tôi số tiền là: 295.000.000đ ... Nay tôi đồng ý cho chị Phương trả lại số tiền này là 200.000.000 (hai trăm triệu) còn 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) tôi không thu hồi....."*. Tuy nhiên, bà P không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong *"giấy xác nhận"* là mỗi đợt trả 30.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, bà P chỉ trả được số tiền lãi là 69.000.000 đồng. Cụ thể: Một lần bà Hiên trả thay cho bà P số tiền 30.000.000 đồng và những lần sau đó (không nhớ rõ ngày tháng nào) mỗi lần bà P trả cho bà 3.000.000 đồng. Vì vậy, bà A khởi kiện yêu cầu buộc bà Quản Thanh P và ông Hứa C trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 295.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 04/5/2012 cho đến nay là 295.000.000 x 1,66% x 118 tháng = 577.846.000 đồng (bà P và ông C đã trả được tiền lãi là 69.000.000 đồng). Tổng số tiền vốn và lãi bà P và ông C còn phải trả cho bà A tổng cộng là 803.846.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 04/6/2012 đến ngày 04/12/2022 (tính tròn 125 tháng) theo mức lãi suất 1,66%/tháng thành tiền là 612.125.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả 69.000.000 đồng, còn lại số tiền lãi phải trả là 543.125.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Quản Thanh P trình bày:

Bà P thừa nhận có vay của bà Quản Ngọc A số tiền 295.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 07/5/2012 và ngày 04/6/2012, mục đích là để làm ăn, kinh doanh chành xe, mặc dù khi vay không thỏa thuận lãi suất nhưng hàng tháng tùy

vào số tiền làm ăn có được thì bà tự nguyện trả lãi cho bà A. Đến ngày 19/9/2018, bà A có qua nhà bà gặp con dâu của bà là Huỳnh Giới H và các bên thỏa thuận là bà A chỉ lấy lại tiền vốn cho vay là 200.000.000 đồng còn số tiền 95.000.000 đồng thì bà A không thu hồi. Sau khi được chị H báo lại thì bà P cũng đồng ý, nên kêu chị H trả cho bà A số tiền 30.000.000 đồng và lúc đó bà A có làm giấy xác nhận. Sau đó, thì bà P có trả cho bà A tổng cộng số tiền 69.000.000 đồng (không nhớ trả cụ thể từng lần bao nhiêu và trả vào thời gian nào). Nay bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A, bà và chồng là ông Hứa C chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền vốn còn nợ là 101.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hứa C là bà Quản Thanh P trình bày:

Khi bà P vay tiền của bà A thì ông C không biết, chỉ biết khi bà A qua nhà yêu cầu bà P trả tiền. Tuy nhiên, nay ông C đồng ý cùng bà P trả cho bà A số tiền vốn còn nợ theo lời trình bày của bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 30/12/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

"Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Quản Thanh P và ông Hứa C trả cho bà Quản Ngọc A số tiền vốn còn nợ là 170.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 5.832.133 đồng Tổng cộng cả vốn và lãi là 175.832.133 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn 125.000.000 đồng và tiền lãi 537.292.867 đồng."

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/01/2023, bà Quản Ngọc A có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 13/01/2023, bà Quản Thanh P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền mà bà và con bà đã trả cho

bà A từ ngày 19/9/2018 cho đến nay tổng cộng 99.000.000 đồng hoặc ít nhất cũng chấp nhận theo lời thừa nhận của bà là 69.000.000 đồng, đồng thời xem xét số tiền lãi buộc bà phải trả cho bà A là 5.832.133 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn trình bày tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử kháng cáo của bà Quản Thanh P và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quản Ngọc A giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử kháng cáo của bà Quản Thanh P và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quản Ngọc A giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Quản Thanh P tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà P.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Quản Ngọc A:

[1] Bà Quản Ngọc A và bà Quản Thanh P đều thống nhất xác nhận là các bên có xác lập các văn bản:

"*Biên nhận*" lập ngày 07/5/2012 có nội dung "*Tôi Quản Thanh P có nhận của em Quản Ngọc A số tiền mượn là 135.000.000 đồng ...*";

"*Biên nhận*" lập ngày 04/6/2012 có nội dung "*Tôi Quản Thanh P có nhận của em Quản Ngọc A số tiền là 160.000.000 đồng ...*";

"Giấy xác nhận" lập ngày 19/9/2018 có nội dung: "*Chị Quản Thanh P có mượn tôi số tiền là: 295.000.000đ (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn). Nay tôi đồng ý cho chị Phương trả lại số tiền này là 200.000.000 (hai trăm triệu) còn 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) tôi không thu hồi. Số tiền 200.000.000 đồng (hai*

trăm triệu đồng) tôi sẽ nhận từng lần với cô Hiên. Đợt 1: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) còn các đợt kế tiếp tôi và cô Hiên sẽ thỏa thuận ngày nhận".

[2] Qua các tài liệu chứng cứ nêu trên thể hiện: Vào năm 2012, bà Quản Thanh P có nhận của bà Quản Ngọc A tổng số tiền 295.000.000 đồng, đến ngày 19/9/2018 các bên thống nhất thỏa thuận giảm số tiền nợ từ 295.000.000 đồng xuống còn 200.000.000 đồng và bà P chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho bà A là 200.000.000 đồng và sau khi lập tờ xác nhận con dâu bà P là chị H đã đại diện thanh toán cho bà A 30.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 170.000.000 đồng. Tại *"Giấy xác nhận"* nêu trên, các bên không có thỏa thuận về việc nếu bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số vốn gốc đã nợ là 295.000.000 đồng. Do vậy, bà A khởi kiện yêu cầu và bà P phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn ban đầu 295.000.000 đồng là chưa phù hợp với sự thỏa thuận giữa các bên theo "*giấy xác nhận*" lập ngày 19/9/2018, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà P thanh toán cho bà A số tiền còn nợ 170.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Theo bà Quản Ngọc A trình bày: Giao dịch vay tiền giữa bà và bà Quản Thanh P là có lãi suất, mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng, tuy nhiên qua xem xét các tài liệu, chứng cứ là các tờ biên nhận lập ngày 07/5/2012, ngày 04/6/20212 và "*giấy xác nhận*" lập ngày 19/9/2018, đều thể hiện bà A cho bà P mượn tiền (là vay không lãi suất), ngoài ra các bên không thỏa thuận nội dung gì về việc trả lãi và mức lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay và phía bà P cũng không thừa nhận việc này. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc buộc bà P phải trả tiền lãi 543.125.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Quản Ngọc A, chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Quản Ngọc A là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí, bà Quản Thanh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quản Ngọc A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 30/12/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quản Ngọc A về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với các bị đơn bà Quản Thanh P và ông Hứa C:

Buộc bà Quản Thanh P và ông Hứa C trả cho bà Quản Ngọc A số tiền vốn còn nợ là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 5.832.133 đồng (năm triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, một trăm ba mươi ba đồng), tổng cộng là 175.832.133 (một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, một trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quản Ngọc A về việc yêu cầu bà Quản Thanh P và ông Hứa C trả số tiền vốn 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu) và tiền lãi 537.292.867 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, tám trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Quản Ngọc A, bà Quản Thanh P và ông Hứa C là những người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Quản Thanh P.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Quản Ngọc A là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí. Bà Quản Thanh P không phải chịu án phí.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận